

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2023/HC-PT

Ngày: 20/9/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính
trong lĩnh vực đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Võ Thị Ngọc Dung**

Các Thẩm phán: ông **Võ Ngọc Thông**

ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông **Quách Hòa Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 156/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3188/2023/QĐ-PT ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: TDP D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bà V vắng mặt, ông T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L – Luật sư văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số D C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T1; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn N; chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số F C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hải S; chức vụ: Phó phòng Kỹ thuật – Bồi thường giải phóng mặt bằng, Trung tâm P; có mặt.

+ Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B; địa chỉ: Số F N; thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Công ty TNHH MTV C; địa chỉ: Số C N, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện trình bày:

Ngày 14/06/2015, vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng 0,5ha cà phê liên kết của ông Nguyễn Tiến B, tại phường T, thành phố B; lô đất này do ông B hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C (Gọi tắt là Công ty C) theo Hợp đồng kinh tế số: 130.Đ1/2014/HĐ ngày 10/06/2014. Việc sang nhượng vườn cà phê có xác nhận của ông Kiều Đại T2, Đội trưởng Đội 1 (Đội sản xuất của Công ty) và Giám đốc Công ty C xác nhận theo Biên bản đối chiếu và kê khai diện tích đất vào ngày 27/06/2017. Ngày 06/06/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 5788/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đợt 1 (Quyết định số 5788). Trong đó: hộ gia đình tôi bị thu hồi 100% diện tích đất là 4.414,3m²; kinh phí bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình tôi là: 746.031.282, đồng.

Gia đình tôi không đồng ý với Quyết định số 5788, bởi lẽ:

- Đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại không được bồi thường:

Tại khoản 2 Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, quy định: “*Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị tính theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q nhân với diện tích đất thu hồi*”. Hộ gia đình tôi là đối tượng bị thu hồi đất, tại thời điểm thu hồi đất hợp đồng thuê khoán đất giữa hộ ông Nguyễn Tiến B, hộ ông Nguyễn Hoàng T3 với Công ty C còn hiệu lực (*hợp đồng có thời hạn đến ngày 31/12/2038*), đủ điều kiện để được Nhà

nước bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi 4.414,3m² đất, nhưng UBND thành phố B không thực hiện bồi thường Chi phí đầu tư vào đất còn lại cho hộ gia đình tôi là không đúng với quy định của pháp luật;

- Đối với giao đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất:

Hộ gia đình tôi bị thu hồi đất, bị giải tỏa nhà, phải di chuyển chỗ ở, không có nhà ở, đất ở khác nhưng chưa được UBND thành phố B giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở mới.

- Đối với hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian tạo lập nơi ở mới:

Tại Điều 16 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, nay được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ, quy định: *“Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà được tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư cộng thêm 6 tháng để xây nhà”*.

Quyết định số 5788 đã hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho hộ gia đình tôi được 06 tháng, chưa hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với thời gian từ khi bàn giao mặt bằng đến khi nhận đất tái định cư.

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản sản xuất:

Hộ gia đình tôi có 04 nhân khẩu là hộ gia đình đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp; đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp; có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp; bị thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp đang sản xuất, phải giải tỏa nhà và di chuyển nơi ở; có hợp đồng giao khoán sử dụng đất nhưng không được UBND thành phố B hỗ trợ ổn định đời sống và sản sản xuất là không đúng với quy định của pháp luật, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; Điều 17 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, nay được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, c Điều 17 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hộ gia đình tôi đang sử dụng đất nhận khoán vào mục đích nông nghiệp, đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, bị mất việc làm khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng không được UBND thành phố B hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng với quy định của pháp luật, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, nay được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, nay được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1,2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Tiền lãi chậm trả tiền bồi thường:

Quyết định số 5788 không thực hiện thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả cho hộ ông Trần Hoàng T là không đúng với quy định tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013.

Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên:

- Hủy một phần Quyết định số 5788 và buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V khi nhà nước thu hồi đất, cụ thể: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với diện tích 4.414,3m² đất bị thu hồi tại thửa đất số 96, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao 01 thửa đất ở tại thành phố B để xây dựng nhà ở mới, hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian tạo lập nơi ở mới tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng cho đến khi nhận thông báo giao đất tái định cư; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường 713.336.000 đồng, tính từ ngày 04/01/2017 đến ngày hộ gia đình chúng tôi nhận tiền là ngày 07/10/2022; tiền bồi thường hỗ trợ bổ sung chậm trả tính từ ngày 04/01/2017 đến ngày hộ gia đình chúng tôi nhận được tiền bổ sung.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Ông Trần Hoàng T sử dụng thửa đất số 96, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 4.414,3m² có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tiến B (*ông Nguyễn Tiến B hợp đồng liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty C tại Hợp đồng số 130/Đ1/2014/HĐ*). Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C (*do Công ty giải thể*) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất do ông Trần Hoàng T đang sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T tại Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, trên cơ sở đó Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 5788, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Hoàng T là 745.136.594 đồng; ông Trần Hoàng T đã nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 07/10/2022, hiện nay chưa bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi.

- Đối với nội dung ông Trần Hoàng T khởi kiện yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất đối với diện tích 4.414,3m² tại thửa đất số 96, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, phường T, thành phố B: Ông Trần Hoàng T sử dụng đất

có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tiến B, xây dựng nhà ở và vật kiến trúc trái phép trên đất nông nghiệp liên kết, không được Công ty C ký kết hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê trên diện tích đất thu hồi nêu trên nên không đủ điều kiện được áp dụng khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định.

- Đối với nội dung ông Trần Hoàng T khởi kiện yêu cầu giao 01 thửa đất ở theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất: Ông Trần Hoàng T sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tiến B, xây dựng nhà ở và vật kiến trúc trên đất nông nghiệp liên kết, phải giải toả nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất, kết quả xác minh trên địa bàn thành phố B thì hộ ông Trần Hoàng T không còn nhà ở, đất ở nào khác. Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã có Báo cáo số 123/BC-TTPTQĐĐL ngày 16/12/2022 đề xuất UBND thành phố B giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông Trần Hoàng T và các trường hợp khác có điều kiện tương tự. Do đó, hiện nay việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho gia đình ông đang đợi kết quả giải quyết của UBND thành phố B.

- Đối với nội dung ông Trần Hoàng T khởi kiện yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới: Tại Quyết định số 5788 đã phê duyệt khoản kinh phí này cho gia đình ông Trần Hoàng T với số tiền: 28.800.000 đồng. Số tiền này hiện nay chưa chi trả vì lý do hộ gia đình chưa bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi cho Nhà nước.

- Đối với nội dung ông Trần Hoàng T khởi kiện yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Ông Trần Hoàng T không có hợp đồng liên kết, hợp đồng nhận khoán với Công ty C. Căn cứ khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, ông Trần Hoàng T không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Về hỗ trợ tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tính từ thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất đến ngày chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Ngày 06/6/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5788; đến ngày 06/10/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã phối hợp với UBND phường T tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Trần Hoàng T, ông T đã nhận tiền và cam kết bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi. Như vậy, thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông chậm so với ngày Quyết định phê duyệt phương án, nội dung này Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã có Tờ trình số 126/TTr-TTPTQĐĐL ngày 29/12/2022 trình UBND thành phố Buôn Ma Thuột thẩm định, phê duyệt phương án bổ sung kinh phí do chậm chi trả tiền bồi thường; Sau khi được UBND thành phố B phê duyệt phương án sẽ thực hiện chi trả tiền cho hộ gia đình theo quy định.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Hoàng T do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 5788, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày

23/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó các nội dung khởi kiện của ông Trần Hoàng T là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn của ông Trần Hoàng T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T và Công ty TNHH MTV C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Luật đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị Vân

Tuyên hủy một phần Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án và phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1), đối với hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần hỗ trợ bồi thường chi phí đầu tư vào đất; giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ ổn định đời sống; đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V theo quy định của pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải thanh toán cho hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V các khoản tiền lãi chậm trả theo mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế, cụ thể: Đối với số tiền 713.336.000 đồng được tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày 06/10/2022; đối với số tiền được chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc U phải phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (chi phí đầu tư vào đất; ổn định đời sống; đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm

việc làm) tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày hộ ông T, bà V nhận được số tiền trên.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V về việc buộc UBND thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà ở tính từ khi bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư; thanh toán tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường 713.336.000 đồng và tiền bồi thường hỗ trợ bổ sung chậm trả tính từ ngày 04/01/2017 đến ngày 06/7/2022.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2023, ông Lê Đại T1 là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận việc hỗ trợ bồi thường chi phí đầu tư vào đất; hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V; không buộc UBND thành phố Buôn Ma T5 phải thanh toán cho hộ ông T, bà V số tiền chậm trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày hộ ông T, bà V nhận đủ số tiền này.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của Người bị kiện: giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến của Người khởi kiện: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận phần kháng cáo của người bị kiện: không chấp nhận các hỗ trợ bồi thường chi phí đầu tư vào đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không buộc UBND thành phố B phải thanh toán cho hộ ông T, bà V số tiền hỗ trợ bổ sung tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày hộ ông T, bà V nhận đủ số tiền này vì không có cơ sở. Bác một phần yêu cầu kháng cáo: không buộc UBND thành phố B phải thanh toán cho hộ ông T, bà V số tiền chậm trả bồi thường vì số tiền này UBND thành phố đã hoàn thành việc chi trả; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Tổ tụng:**

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B và Công ty TNHH MTV C theo Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết đúng đối tượng, thẩm quyền, còn thời hiệu quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Kháng cáo của Người bị kiện đúng thời hạn, hợp lệ, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung:

[2.1] Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi: ngày 14/6/2015, ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V nhận chuyển nhượng 0.5 ha đất trồng cà phê từ ông Nguyễn Tiến B. Diện tích đất này là một phần trong diện tích đất của ông B nhận hợp đồng giao khoán đất liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C (Công ty C) theo Hợp đồng số 130/Đ1/2014/HĐ ngày 10/6/2014, diện tích đất giao khoán 13.635m², thửa đất số 146, tờ bản đồ số 07 (nay là thửa đất số 96, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2012) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; thời hạn hợp đồng từ ngày 10/6/2014 đến 31/12/2038.

[2.2] Đối với Hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/6/2016: Ngày 14/6/2015, ông Nguyễn Tiến B chuyển nhượng cho ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V một phần diện tích đất giao khoán là 0,5 ha, có lập giấy chuyển nhượng được ông Kiều Đại T2 - Đội trưởng Đội 1 (Đội sản xuất của Công ty C) xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T và bà V trực tiếp sản xuất trên đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Công ty C, xây nhà và sinh sống trên đất nhưng không bị Công ty C phản đối, thực hiện các thủ tục thu hồi theo như quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng Kinh tế liên kết sản xuất cà phê số 130/Đ1/2014/HĐ ngày 10/6/2014 giữa ông B và Công ty C về quyền của bên giao khoán: *“Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng khoán, bảo đảm việc thực hiện đúng pháp luật về đất đai khi phát hiện đất giao khoán bị chuyển đổi trái phép thì tiến hành các biện pháp, thủ tục theo quy định để thu hồi diện tích giao khoán đã bị chuyển nhượng trái phép”*. HĐXX xét thấy, Hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất liên kết nêu trên giữa Ông Nguyễn Tiến B và ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V chưa đảm bảo về hình thức nhưng thực tế được Công ty C đã thừa nhận và xác nhận theo Biên bản đối chiếu và kê khai diện tích đất vào ngày 27/06/2017, không trái với điểm i khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 130/Đ1/2014/HĐ ngày 10/6/2014, như nhận định của Tòa án sơ thẩm.

[2.3] Xét các nội dung kháng cáo có tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 (Quyết định số 5788) và Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 (Quyết định số 10482) của UBND thành phố B:

[2.3.1] Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất đối với diện tích đất bị thu hồi: ngày 30/9/2016, Quyết định giải thể công ty có hiệu lực, đến ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định 07/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất của hộ ông T và bà V. Tại biên bản kiểm đếm ngày 29/9/2021 của Trung

tâm P thể hiện diện tích đo đạc thực tế đất thu hồi của hộ Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V là 4.414,3m²; không có cây cà phê mà toàn là cây trồng khác và tại phiên tòa ông T khai đã phá cây cà phê từ năm 2018. Trong khi đó mục đích của Hợp đồng giao khoán đất là liên kết sản xuất cà phê, nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện này là không phù hợp.

[2.3.2] Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Nguồn gốc đất bị thu hồi của hộ ông Trần Hoàng T như phân tích tại mục [2.2]; UBND phường T, thành phố B xác nhận hộ ông Trần Hoàng T là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó; tại Điều 1 tại các Quyết định 5788 và Quyết định 10482 đều xác định hộ gia đình ông T có nguồn gốc nhận khoán của Công ty. Do đó, ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V thuộc đối tượng được hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; tại điểm d Điều 19 Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và khoản 2 Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-CP ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

[2.3.3] Về giao đất có thu tiền sử dụng đất để ổn định đời sống: Hộ ông Trần Hoàng T không bị thu hồi đất ở nên không đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định tại Khoản 1 Điều 79 Luật đất đai. Tuy nhiên, xét thấy ông Trần Hoàng T có xây dựng nhà ở, được bồi thường tài sản là nhà ở trong số tiền 713.336.000 đồng, phải giải toả toàn bộ nhà ở khi nhà nước thu hồi đất, ông T không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn thành phố B, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xử phạt. Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật đất đai, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 5 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì ông T có đủ điều kiện để được giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất. Theo Báo cáo 123/BC-TTPTQĐDL ngày 16/12/2022 của Trung Tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk thì trường hợp của hộ ông T đang được xem xét đề nghị giao đất có thu tiền sử dụng đất để ổn định đời sống là phù hợp với nhận định của Tòa án sơ thẩm. Tại đơn kháng cáo UBND thành phố cho rằng Hội đồng thẩm định điều kiện giao đất của UBND thành phố B kết luận tại Báo cáo số 241/BC-TNMT ngày 06/12/2022 cho rằng hộ ông Trần Hoàng T không đủ điều kiện đề xuất giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Nhưng Báo cáo số 241 này ban hành trước Báo cáo 123 nên không có giá trị xem xét.

[2.4] Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố B phải thanh toán một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả 713.336.000 đồng và thời gian chậm trả tính từ ngày 07/7/2022 đến 06/10/2022 và thanh toán tiền bồi thường hỗ trợ bổ sung theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

[2.4.1] Đối với số tiền 713.336.000, UBND thành phố B đã phê duyệt bổ sung kinh phí do chậm chi trả tiền bồi thường đối với 12 hộ gia đình, cá nhân tại Quyết định 3115/QĐ-UBND ngày 07/6/2012, trong đó hộ ông Trần Hoàng T đã được thanh toán một khoản tiền 20.118.688 đồng. Nên yêu cầu kháng cáo này của người bị kiện UBND thành phố B không còn ý nghĩa, không chấp nhận.

[2.4.2] Đối với yêu cầu khoản thanh toán tiền bồi thường hỗ trợ bổ sung theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung: UBND thành phố B ban hành Quyết định 5788 và Quyết định 10482 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tiến hành thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ. Các quyết định này đang được khiếu kiện, chưa có quyết định số tiền thực tế chi trả. Do đó, nội dung kháng cáo này của UBND thành phố B là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những căn cứ và nhận định tại các mục trên, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về hỗ trợ bồi thường chi phí đầu tư vào đất; không buộc UBND thành phố B phải thanh toán tiền lãi chậm trả hỗ trợ bổ sung tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày hộ ông Trần Hoàng T nhận đủ số tiền này. Do đó, HĐXX phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm.

[4] Chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng tại phiên tòa về không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất đối với diện tích đất bị thu hồi và phần lãi chậm trả về khoản hỗ trợ bổ sung.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện kháng cáo được chấp nhận một phần, do vậy không phải chịu án phí.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính:

Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*”

Căn cứ khoản 2 Điều 79, Điều 83 và Điều 93 Luật Đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 6, điểm d Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; khoản 2 Điều 3, Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-CP ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

[1] Không buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần hỗ trợ bồi thường chi phí đầu tư vào đất cho hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V; không buộc Ủy ban nhân dân thành phố B thanh toán cho hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V các khoản tiền lãi chậm trả theo mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế đối với số tiền được chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc U phải phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (ổn định đời sống; đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm) tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày hộ ông T, bà V nhận được số tiền trên.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V, hủy một phần Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án và phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1), đối với hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất về việc giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ ổn định đời sống; đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Trần Hoàng T, bà Nguyễn Thị V theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố B không phải nộp, hoàn 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thu theo biên lai số 3755 ngày 14/6/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk cho UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung

